

Số: /QĐ-UBND

Việt Yên, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Đất nông nghiệp của các hộ thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang địa giới xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) - Đợt 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1191/TTg-NN ngày 03/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ v/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 4287/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 12/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND, ngày 16/1/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 02/07/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND, ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên; Quyết định số 355/QĐ-UBND, ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Việt Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất; các dự án, công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2022-2024 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND huyện Việt Yên v/v phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Thượng Phúc, xã Tăng Tiến (Giai đoạn 1, giai đoạn 2); dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 110/UBND-VP ngày 11/1/2023 của UBND huyện Việt Yên về việc áp dụng đơn giá bồi thường, tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2023; Công văn số 80/UBND-KT ngày 10/1/2023 của UBND huyện Việt Yên về việc áp dụng đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện;

Căn cứ vào Biên bản thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của Hội đồng bồi thường GPMB huyện Việt Yên để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Đất nông nghiệp của các hộ thôn Trung, xã Nội

Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang địa giới xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) - Đợt 5;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT ngày 25/5/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Đất nông nghiệp của các hộ thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang địa giới xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) - Đợt 5 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA DỰ ÁN:

1. Diện tích thu hồi theo phương án: 4.836,0m² (Bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm ba mươi sáu mét vuông) đất nông nghiệp của 03 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức (UBND xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên; UBND xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng) đang quản lý, sử dụng, trong đó:

Đất nông nghiệp:

- Đất được giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 597,8 m².
- Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp trước ngày 01/7/2004: 2.466,7 m² trong đó:
 - + Đất trồng cây hàng năm: 1.623,6 m²;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 843,1 m²;
 - Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm do UBND xã Tăng Tiến quản lý, không đưa vào quỹ đất công ích: 101,7 m² (UBND tỉnh Bắc Giang giao tại Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 28/12/2017).
 - Đất công ích: 1.156,8 m².

Đất phi nông nghiệp: Đất hành lang thủy lợi: 513,0 m².

2. Địa điểm: Thôn Bẩy, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên (diện tích đất nông nghiệp các hộ thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang địa giới xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB:

Tổng giá trị phương án: 1.362.269.252 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng), trong đó:

1. Kinh phí bồi thường về đất: 143.107.800 đồng, cụ thể:

- **Kinh phí bồi thường về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:**
 - Bồi thường đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của các hộ sử dụng ổn định, đủ điều kiện bồi thường; diện tích 1.089,7 m², đơn giá bồi thường là 50.000đ/m²
 - Thành tiền: 1.089,7 m² x 50.000đ/m² = 54.485.000 đồng
 - **Kinh phí bồi thường về đất bằng trồng cây hàng năm khác:**

- Bồi thường đối với đất bằng trồng cây hàng năm khác của các hộ sử dụng ổn định, đủ điều kiện bồi thường; diện tích 1.131,7 m², đơn giá bồi thường là 50.000đ/m²

- Thành tiền: 1.131,7 m² x 50.000đ/m² = 56.585.000 đồng

- Kinh phí bồi thường về đất nuôi trồng thủy sản

Bồi thường đối với đất nuôi trồng thủy sản của các hộ sử dụng ổn định, đủ điều kiện bồi thường; diện tích 843,1 m², đơn giá bồi thường là 38.000đồng/m²

Thành tiền: 843,1 m² x 38.000 đồng/m² = 32.037.800 đồng

2. Kinh phí bồi thường tài sản trên đất: 14.426.380 đồng

- Kinh phí bồi thường tài sản trên đất là cây hàng năm: 5.509.050 đồng

Bồi thường tài sản là hoa màu trên đất là cây trồng hàng năm trên đất nông nghiệp; diện tích 579,9 m², đơn giá bồi thường là: 9.500 đồng/m²

Thành tiền: 579,9 m² x 9.500 đồng/m² = 5.509.050 đồng

- Kinh phí bồi thường tài sản trên đất là ao nuôi cá chuyên canh: 8.917.330 đồng

Bồi thường tài sản là ao nuôi cá chuyên canh; diện tích 650,9 m², đơn giá bồi thường là 13.700 đồng/m²

Thành tiền: 650,9 m² x 13.700 đồng/m² = 8.917.330 đồng

3. Kinh phí bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với hộ gia đình nhận thầu đất công ích: 28.920.000 đồng

Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với hộ gia đình nhận thầu đất công ích là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là 1.156,8 m², đơn giá bồi thường là 25.000 đồng/m²

Thành tiền: 1.156,8 m² x 25.000 đồng/m² = 28.920.000 đồng

4. Kinh phí hỗ trợ tài sản trên đất là cây lâu năm và công trình kiến trúc: 480.107.672 đồng

4.1 Kinh phí hỗ trợ tài sản trên đất là cây lâu năm: 71.966.872 đồng

Cụ thể:

- Cây bưởi đường kính gốc 25cm trở lên:

1 cây x 3.143.000 đ/cây x 80% = 2.514.400 đồng

- Cây nhãn đường kính tán 8m ≤ F < 9m:

1 cây x 3.068.000 đ/cây x 80% = 2.454.400 đồng

- Cây nhãn đường kính tán 7m ≤ F < 8m:

10 cây x 2.642.000 đ/cây x 80% = 21.136.000 đồng

- Cây bưởi ĐK gốc 15cm ≤ ϕ < 20cm

4 cây x 2.585.000 đ/cây x 80% = 8.272.000 đồng

- Cây nhãn đường kính tán 5m ≤ F < 6m:

1 cây x 1.790.000 đ/cây x 80% = 1.432.000 đồng

- Cây na đường kính gốc 15 cm trở lên:

- 1 cây x 1.317.000 đ/cây x 80% = 1.053.600 đồng
- Cây xoài đường kính gốc trên 40 cm:
 - 1 cây x 1.160.000 đ/cây x 80% = 928.000 đồng
- Cây bưởi ĐK gốc $5\text{cm} \leq \phi < 7\text{ cm}$
 - 8 cây x 1.091.000 đ/cây x 80% = 6.982.400 đồng
- Cây xoài ĐK gốc $32\text{ cm} \leq \phi < 39\text{ cm}$
 - 1 cây x 1.055.000 đ/cây x 80% = 844.000 đồng
- Cây xoài ĐK gốc $29\text{ cm} \leq \phi < 32\text{ cm}$
 - 6 cây x 950.000 đ/cây x 80% = 4.560.000 đồng
- Cây xoài ĐK gốc $25\text{ cm} \leq \phi < 29\text{ cm}$
 - 2 cây x 845.000 đ/cây x 80% = 1.352.000 đồng
- Cây xoài ĐK gốc $19\text{ cm} \leq \phi < 25\text{ cm}$
 - 5 cây x 740.000 đ/cây x 80% = 2.960.000 đồng
- Cây nho Hạ Đen, nho Mẫ đơn trên 2 năm
 - 2 cây x 650.000 đ/cây x 80% = 1.040.000 đồng
- Cây mít ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \phi < 19\text{ cm}$
 - 3 cây x 635.000 đ/cây x 80% = 1.524.000 đồng
- Cây xoài ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \phi < 19\text{ cm}$
 - 1 cây x 635.000 đ/cây x 80% = 508.000 đồng
- Cây Sầu ĐK gốc $15\text{ cm} \leq \phi < 19\text{ cm}$
 - 1 cây x 635.000 đ/cây x 80% = 508.000 đồng
- Cây Vối, Sung, Khế ĐK gốc trên 30 cm
 - 4 cây x 555.000 đ/cây x 80% = 1.776.000 đồng
- Cây Doi, Khế ĐK gốc $20\text{ cm} \leq \phi < 25\text{ cm}$
 - 2 cây x 415.000 đ/cây x 80% = 664.000 đồng
- Cây Na có ĐK gốc $5\text{ cm} \leq \phi < 7\text{ cm}$
 - 6 cây x 325.000 đ/cây x 80% = 1.560.000 đồng
- Cây Sầu, Mít có ĐK gốc $3\text{ cm} \leq \phi < 7\text{ cm}$
 - 7 cây x 320.000 đ/cây x 80% = 1.792.000 đồng
- Cây Sung có ĐK gốc $9\text{ cm} \leq \phi < 12\text{ cm}$
 - 1 cây x 235.000 đ/cây x 80% = 188.000 đồng
- Cây bạch đàn đường kính gốc 13cm - 20 cm :
 - 25 cây x 163.000 đ/cây x 80%= 3.260.000 đồng
- Cây có tán che nắng đường kính gốc 13cm - 20 cm :
 - 1 cây x 132.000 đ/cây x 80%= 105.600 đồng
- Cây bạch đàn đường kính gốc 5cm - 10 cm :
 - 17 cây x 118.000 đ/cây x 80%= 1.604.800 đồng
- Chuối đã có quả (khóm từ 2 cây trở lên):

16 cây x 87.000 đ/khóm x 80% = 1.113.600 đồng

- Chi phí khai thác cây bạch đàn D1,3 ≥ 20cm - ≤ 30cm:

30 cây x 73.753 đ/cây x 80% = 1.770.072 đồng

- Cây bạch đàn có chiều cao > 3,0; D1,3 từ < 5:

2 cây x 40.000 đ/cây x 80% = 64.000 đồng

4.2 Kinh phí hỗ trợ tài sản trên đất là công trình kiến trúc: 408.140.800 đồng

Cụ thể:

- Nhà cấp III loại 2, không có nhà vệ sinh khép kín (tính bằng 95% giá nhà cấp III loại 2:

55,0 m² x 4.655.000 đ/m² XD x 80% = 204.820.000 đồng

- Nhà cấp III loại 3:

7,1 m² x 4.430.000 đ/m² XD x 80% = 25.162.400 đồng

- Khối bê tông cốt thép mác 200:

0,2 m³ x 4.040.000 đ/m³ x 80% = 646.400 đồng

- Nhà cấp IV loại 1:

16,3 m² x 3.400.000 đ/m² XD x 80% = 44.336.000 đồng

- Bồn nước Tân Á đứng 1000 l:

1 chiếc x 2.545.000 đ/chiếc x 80% = 2.036.000 đồng

- Khối bê tông mác 200:

7,8 m³ x 2.110.000 đ/m³ x 80% = 13.166.400 đồng

- Bể nước không có tấm đan bê tông thành 110 trát vữa xi măng 2 mặt:

2,0 m³ x 1.030.000 đ/m³ x 80% = 1.648.000 đồng

- Nhà bếp loại C:

8,0 m² x 940.000 đ/m² XD x 80% = 6.016.000 đồng

- Khu chăn nuôi loại C:

21,8 m² x 800.000 đ/m² XD x 80% = 13.952.000 đồng

- Tường rào xây gạch chỉ dày 220 mm:

64,6 m² x 580.000 đ/m² x 80% = 29.974.400 đồng

- Nền lát gạch liên doanh KT 30 x 30, 40 x 40:

12,4 m² x 340.000 đ/m² x 80% = 3.372.800 đồng

- Tường rào xây cay bê tông dày 130 mm, bổ trụ:

27,3 m² x 290.000 đ/m² x 80% = 6.333.600 đồng

- Ki ốt C:

56,6 m² x 240.000 đ/m² XD x 80% = 10.867.200 đồng

- Tường rào xây cay xi dày 250 mm:

4,4 m² x 240.000 đ/m² x 80% = 844.800 đồng

- Khung lưới sắt B40 làm rào chắn:

$$149,3 \text{ m}^2 \times 220.000 \text{ đ/m}^2 \times 80\% = 26.276.800 \text{ đồng}$$

- Sân lát gạch lá nem:

$$162,4 \text{ m}^2 \times 140.000 \text{ đ/m}^2 \times 80\% = 18.188.800 \text{ đồng}$$

- Sân bê tông gạch vỡ láng xi măng cát mac 150 dày 2-3cm:

$$5,2 \text{ m}^2 \times 120.000 \text{ đ/m}^2 \times 80\% = 499.200 \text{ đồng}$$

5. Các khoản hỗ trợ: 517.808.400 đồng

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: 30.645.000 đồng

- Hỗ trợ đối với diện tích 2.221,4 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất bằng trồng cây hàng năm khác, đơn giá hỗ trợ là 10.000đ/m²

$$\text{Thành tiền: } 2.221,4 \text{ m}^2 \times 10.000 \text{ đồng/m}^2 = 22.214.000 \text{ đồng}$$

- Hỗ trợ đối với diện tích 843,1 m² đất nuôi trồng thủy sản, đơn giá hỗ trợ là 10.000đồng/m²

$$\text{Thành tiền: } 843,1 \text{ m}^2 \times 10.000 \text{ đồng/m}^2 = 8.431.000 \text{ đồng}$$

5.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 429.323.400 đồng

- Hỗ trợ đối với diện tích 2.221,4 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất bằng trồng cây hàng năm khác, đơn giá hỗ trợ là 150.000đ/m²

$$\text{Thành tiền: } 2.221,4 \text{ m}^2 \times 150.000 \text{ đồng/m}^2 = 333.210.000 \text{ đồng}$$

- Hỗ trợ đối với diện tích 843,1 m² đất nuôi trồng thủy sản, đơn giá hỗ trợ là 114.000 đồng/m²

$$\text{Thành tiền: } 843,1 \text{ m}^2 \times 114.000 \text{ đồng/m}^2 = 96.113.400 \text{ đồng}$$

5.3. Hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công ích cho xã: 57.840.000 đồng

Hỗ trợ đối với diện tích 1.156,8 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đơn giá hỗ trợ là 50.000đồng/m²

$$\text{Thành tiền: } 1.156,8 \text{ m}^2 \times 50.000 \text{ đồng/m}^2 = 57.840.000 \text{ đồng}$$

Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ (1+2+3+4+5): 1.184.370.252 đồng

6. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB: 111.019.000 đồng

6.1. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB đợt 5: 23.687.000 đồng.

6.2. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, GPMB đợt 3: 87.332.000 đồng

(Theo báo cáo số 151/ BC –TCKH ngày 14/4/2022 của phòng Tài chính – kế hoạch về kết quả thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện BTGPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (Diện tích đất nông nghiệp của xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên và báo cáo số 152/BC TCKH ngày 14/4/2022 của phòng Tài chính – kế hoạch về kết quả thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện

BTGPMB (đợt 3) và phương án điều chỉnh, bổ sung khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

7. Dự toán kinh phí hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm: 66.880.000 đồng

- Đối với diện tích hộ hợp tác kê khai kiểm kê:

$$279,5 \text{ m}^2 \times 40.000 \text{ đồng/m}^2 = 11.180.000 \text{ đồng}$$

- Đối với diện tích hộ phải cưỡng chế kiểm đếm:

$$2.785,0 \text{ m}^2 \times 20.000 \text{ đồng/m}^2 = 55.700.000 \text{ đồng}$$

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

1. Giao Chủ tịch UBND xã Tăng Tiến có trách nhiệm giao Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân; trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã Tăng Tiến, tại nhà văn hóa tổ dân thôn Bẩy, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên (diện tích đất nông nghiệp các hộ thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng xâm canh sang địa giới xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

2. Chủ đầu tư, UBND xã Tăng Tiến và các cơ quan chức năng có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, tổ chức thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo đúng quy định;

3. Banbientap_vietyen@bacgiang.gov.vn có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Việt Yên.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Trung tâm Văn hóa - thông tin và Thể thao, Chi cục Thuế khu vực Việt Yên – Hiệp Hòa, Kho bạc Nhà nước huyện, Trung tâm Lưu trữ và phát triển Quỹ đất (*Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB*), UBND xã Tăng Tiến và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường (01 bản);
- Trung tâm Lưu trữ và phát triển Quỹ đất (04 bản);
- UBND xã Tăng Tiến (01 bản);
- Banbientap_vietyen@bacgiang.gov.vn
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Bách